

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cao Thắng, huyện Thanh Miện của Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2978/STNMT-CCBVMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Cao Thắng, huyện Thanh Miện; Văn bản số 13.5/CV-PH ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 346/TTr-TNMT ngày 14 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Cao Thắng, huyện Thanh Miện (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cao Thắng và xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng

01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Thanh Miện;
- UBND xã Cao Thắng;
- UBND xã Tứ Cường;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp
Cao Thắng, huyện Thanh Miện

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Cao Thắng, huyện Thanh Miện.

- Địa điểm thực hiện: Xã Cao Thắng và xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Chủ dự án: Công ty cổ phần đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng.

- Địa chỉ liên hệ: Cụm công nghiệp Cao Thắng, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Cao Thắng, huyện Thanh Miện với tổng diện tích quy hoạch là: 455.158 m², trong đó diện tích thực hiện dự án là 417.379,4 m², diện tích đất công nghiệp đã được cấp cho Công ty TNHH giải trí High Rock là 29.370,9 m², diện tích đất đường gom là 5.875 m², diện tích đất hành lang QL.38B là 2.532,7 m².

- Vị trí địa lý các điểm khép góc ranh giới của dự án như sau:

| STT | Ký hiệu điểm | Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3° | |
|-----|--------------|---|--------|
| | | X(m) | Y(m) |
| 1 | M1 | 2296791 | 574609 |
| 2 | M2 | 2297007 | 574926 |
| 3 | M3 | 2297842 | 574360 |
| 4 | M4 | 2297809 | 573978 |
| 5 | M5 | 2297805 | 573965 |
| 6 | M6 | 2297629 | 574039 |
| 7 | M7 | 2297561 | 574062 |
| 8 | M8 | 2297499 | 574083 |
| 9 | M9 | 2297398 | 574148 |
| 10 | M10 | 2297297 | 574212 |
| 11 | M11 | 2297259 | 574236 |
| 12 | M12 | 2297198 | 574275 |

- Cơ cấu sử dụng đất của CCN: Tổng diện tích đất quy hoạch 455.158 m², trong đó: đất công nghiệp đã được cấp 29.370,9 m²; đất công nghiệp quy hoạch 284.188,2 m²; đất dịch vụ, điều hành 6.192,6 m²; đất hạ tầng kỹ thuật 7.008,1 m²; đất doanh trại cảnh sát PCCC 2.884,4 m²; đất hồ sự cố - chỉ thị sinh học 4.848,6 m²; đất cây xanh 46.035,8 m²; đất giao thông 74.629,4 m².

1.3. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp (CCN)

Các ngành nghề dự kiến thu hút đầu tư (phù hợp với Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương, gồm: Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ; lĩnh vực cơ khí; gia công, lắp ráp các sản phẩm kính, kim loại; thu hút các dự án ít tác động đến môi trường, phù hợp với Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và mục tiêu phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương) cụ thể như sau:

| TT | Nhóm ngành nghề thu hút đầu tư | Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ) |
|----|---|---|
| 1 | Sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi (<i>không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm; sản xuất chè; sản xuất cà phê</i>) | C101, C103, C104, C105, C107, C108, C11 |
| 2 | Sản xuất, lắp ráp linh kiện, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, các sản phẩm từ công nghệ mới, kỹ thuật cao (<i>không bao gồm sản xuất pin và ắc quy</i>) | C26, C27 |
| 3 | Sản xuất kim loại màu (<i>sản xuất hợp kim nhôm, sơ chế nhôm</i>), đúc kim loại màu, cơ khí chế tạo, sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, mô tô, ô tô, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn | C24202, C24320, C251, C259, C28, C29, C33 |
| 4 | Dệt, may mặc (<i>không nhuộm</i>), giày dép (<i>không có công đoạn thuộc da, sơ chế da, nhuộm da</i>), công nghiệp chế biến, chế tạo khác | C13, C1410, C1430, C152, C324, C325, C329 |
| 5 | Nhóm dự án về chế biến gỗ; sản xuất giấy, bìa, bao bì từ giấy và bìa thành phẩm, các sản phẩm từ plastic | C16, C1702, C1709, C222 |
| 6 | Nhóm dự án về dược phẩm, in, sản phẩm từ thủy tinh, thiết bị nội thất, nhà bếp | C18, C21, C231, C2391, C2392, C2393, C31 |

| | | |
|---|--|---------------------------|
| 7 | Vận tải kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ khác; đầu tư xây dựng nhà xưởng xây sẵn và văn phòng để cho thuê, cung cấp các dịch vụ quản lý bất động sản | H5210, H52242, H5229, L68 |
| 8 | Các ngành nghề ít tác động đến môi trường, phù hợp với Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và mục tiêu phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương (<i>công nghệ sinh học; công nghiệp chế tạo và tự động hóa; công nghiệp vật liệu mới và nano</i>) | - |

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án

a) Các hạng mục công trình chính

- San nền (đối với phần diện tích 1,78 ha).
- Hệ thống giao thông.
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
- Hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Hệ thống cấp nước.
- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng.
- Hệ thống thông tin liên lạc.
- Cây xanh.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

- Nhà điều hành.
- Nhà bảo vệ, cổng, tường rào.

c) Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Trạm xử lý nước thải tập trung 5.000 m³/ngày đêm kèm hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- Hồ sự cố dung tích 10.300 m³.
- Kho chứa chất thải rắn thông thường (30 m²); kho chứa chất thải nguy hại (30 m²); nhà ép bùn (75,64 m²); bể phơi bùn (12,4 m³) bố trí tại Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

a) Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động vận chuyển cát san nền về CCN, hoạt động bóc đất hữu cơ bề mặt đất trồng lúa nước 02 vụ, tập kết tận dụng đắp cho ô đất cây xanh để trồng cây trong CCN.

- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của CCN và các công trình xây dựng khác (Trạm xử lý nước thải tập trung, hồ sự cố, tường rào, nhà điều hành, nhà bảo vệ,...).

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

b) Các hoạt động của dự án trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN.

- Hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên thực hiện quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật CCN Cao Thắng tại khu điều hành dịch vụ và Trạm xử lý nước thải của dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 4.225 m² theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng 4.225 m² đất trồng lúa nước.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động phát quang tại khu vực thực hiện dự án phát sinh chất thải rắn thông thường.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung.

- Hoạt động của khu điều hành dịch vụ của CCN phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi, bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 4,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công khoảng 3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước thải từ quá trình rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công khoảng 4,4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích dự án với lưu lượng tối đa 0,32 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tham gia quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật CCN Cao Thắng phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 2,45 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và vi sinh vật.

- Hoạt động sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh tại các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN Cao Thắng phát sinh nước thải với tổng lưu lượng khoảng 3.170,83 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, độ màu, chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), Amoni (tính theo N), Sunfua, Florua, Clorua, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ khoáng, Coliform và các kim loại nặng.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích CCN với lưu lượng khoảng 0,25 m³/s. Thông số ô nhiễm chính là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động đào, đắp, san nền, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển, bốc xếp nguyên vật liệu thi công, đổ thải và hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ thi công phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO_x.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên liệu sản xuất, hàng hóa, con người trong phạm vi CCN phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO_x.

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư.

- Mùi, khí thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoniac (NH_3), Hydro sulfua (H_2S), Methyl mercaptan (CH_3SH), Metal (CH_4).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 1,78 tấn. Thành phần chủ yếu các loại cây bụi, cỏ và rom rạ sau thu hoạch.

- Đất hữu cơ từ quá trình bóc tầng đất mặt đất trồng lúa khoảng 1.056,25 m³.

- Bùn, đất màu từ quá trình đào đất không thích hợp: 7.754,75 m³; nạo vét mương thủy lợi: 3.657 m³.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 6.280,38 tấn. Thành phần gồm vỏ bao xi măng, cặn vữa, bê tông thừa, đầu mối sắt thép, dây thép, cốp pha hỏng, gạch, đá.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 19,33 kg/ngày. Thành phần chủ yếu các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại khu điều hành dịch vụ khoảng 7,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Bùn phát sinh từ quá trình nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa khoảng 2,5 m³/lần nạo vét.

- Thực bì, cành lá cây từ quá trình cắt tỉa chăm sóc cây xanh. Khối lượng phát sinh ước tính vào khoảng 0,5 tấn/năm.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào từng loại hình sản xuất, quy mô đầu tư của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng gồm: Dầu thải: 220,13 kg/tháng; giẻ lau dính dầu, vải lọc dầu: 39,17 kg/tháng; bóng đèn huỳnh quang vỡ: 10,15 kg/tháng; ắc quy hỏng: 4,35 kg/tháng; kim loại thải (đầu mối que hàn, vỏ thùng sơn): 88,85 kg/tháng; dầu mỡ thải từ quá trình rửa xe tại công trường: 4 kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN. Khối lượng và thành phần phụ thuộc vào các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN.

- Đối với hoạt động điều hành của CCN:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của khu điều hành dịch vụ khoảng 50 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; linh kiện thiết bị điện tử thải.

+ Bao bì nhiễm thành phần nguy hại (bao bì đựng hóa chất xử lý nước thải) khoảng 120 kg/năm.

+ Dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp khoảng 600 kg/lần thay/4 năm.

+ Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN là 232,5 tấn/năm (trong trường hợp bùn thải được xác định là chất thải nguy hại).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN; từ phương tiện giao thông ra, vào CCN và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

- Nguy cơ gây ngập úng tại khu vực thực hiện dự án và khu vực lân cận.

b) *Giai đoạn vận hành*: Hoạt động của dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố các công trình xử lý chất thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) *Giai đoạn thi công xây dựng*

- *Nước thải sinh hoạt*: Bố trí 03 nhà vệ sinh di động có tổng dung tích bể chứa chất thải là 3,6 m³ đặt tại khu lán trại công nhân và công trường thi công để

thu gom, lưu trữ chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải thi công:

Nước thải từ quá trình rửa xe, vệ sinh dụng cụ thi công: Xây dựng hố lắng tạm thời để thu gom nước rửa cốt liệu, nước vệ sinh dụng cụ thi công, nước thải rửa xe trên công trường thi công, kích thước khoảng $3\text{m} \times 4\text{m} \times 1,5\text{m}$, trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vải hút dầu để tách váng dầu trên bề mặt. Vải hút dầu (chất thải chứa dầu) được thay thế định kỳ 1 tuần/lần, được thu gom lưu giữ, xử lý như chất thải nguy hại. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được sử dụng để tưới ẩm đường giao thông, giảm thiểu bụi trên công trường thi công.

Quy trình: Nước thải rửa cốt liệu, nước vệ sinh dụng cụ thi công, nước rửa xe → Hố lắng có vải tách dầu → Tái sử dụng để tưới ẩm.

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tạm thời xung quanh công trường thi công. Hướng thoát chính theo hướng thoát nước tự nhiên của khu đất về phía Tây của dự án. Trên hệ thống thoát nước bố trí các hố ga lắng cặn đất, cát với khoảng cách 30 m/hố.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của CCN được tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa dưới hè đường dọc các tuyến đường giao thông, thiết kế tự chảy theo địa hình. Hệ thống công sử dụng là công tròn bê tông cốt thép (BTCT) kích thước từ D800 - D1200 và hố ga thu nước mưa. Các hố ga thu thiết kế có nắp đậy, song chắn rác, kết hợp lắng cặn dọc theo chiều dài hệ thống công thoát nước mưa (các hố ga cuối trước khi thoát ra kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý có thiết bị tách váng dầu). Chủ dự án thường xuyên nạo vét, khơi thông, sửa chữa các tuyến mương, công thoát nước mưa, các tuyến mương nước mặt chạy giữa CCN; đảm bảo thực hiện các biện pháp thoát nước mưa hợp lý để không xảy ra tình trạng ngập úng trong và ngoài CCN.

Nước mưa từ CCN được xả vào Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý phía Tây của CCN qua 04 điểm xả. Toạ độ các điểm xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiếu 3°) như sau:

$$\text{Điểm xả 1: } X(\text{m}) = 2296960; Y(\text{m}) = 574470$$

$$\text{Điểm xả 2: } X(\text{m}) = 2296808; Y(\text{m}) = 574594$$

$$\text{Điểm xả 3: } X(\text{m}) = 2297626; Y(\text{m}) = 574040$$

$$\text{Điểm xả 4: } X(\text{m}) = 2297358; Y(\text{m}) = 574173.$$

- Hệ thống thu gom nước thải CCN: Sử dụng ống thu gom PVC D400, D600, bố trí ngầm dưới hè đường. Các hố ga được bố trí với khoảng cách 30 m/hố. Bố trí hố ga đầu nổi nước thải tại mỗi lô đất công nghiệp để quản lý và

giám sát. Nước thải sau đó theo hệ thống ống PVC D400, D600 dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN để xử lý tiếp trước khi xả ra môi trường.

- Chủ dự án chỉ cho phép các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN sau khi đảm bảo lưu lượng, chất lượng nước thải phù hợp với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung theo hợp đồng thuê hạ tầng kỹ thuật (hoặc hợp đồng xử lý nước thải) giữa Chủ dự án và các nhà đầu tư thứ cấp, cụ thể như sau:

| STT | Thông số | Đơn vị | Giá trị tiếp nhận |
|-----|--------------------------------|--------|-------------------|
| 1 | Nhiệt độ | °C | 40 |
| 2 | Độ màu | Co-Pt | 50 |
| 3 | pH | - | 6-9 |
| 4 | BOD5 (20°C) | mg/l | 300 |
| 5 | COD | mg/l | 400 |
| 6 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 300 |
| 7 | Asen (As) | mg/l | 0,05 |
| 8 | Thủy ngân (Hg) | mg/l | 0,005 |
| 9 | Chì (Pb) | mg/l | 0,1 |
| 10 | Cadimi (Cd) | mg/l | 0,05 |
| 11 | Crom (VI) (Cr ⁶⁺) | mg/l | 0,05 |
| 12 | Crom (III) (Cr ³⁺) | mg/l | 0,2 |
| 13 | Đồng (Cu) | mg/l | 2 |
| 14 | Kẽm (Zn) | mg/l | 3 |
| 15 | Niken (Ni) | mg/l | 0,2 |
| 16 | Mangan (Mn) | mg/l | 0,5 |
| 17 | Sắt (Fe) | mg/l | 1 |
| 18 | Tổng Xianua | mg/l | 0,07 |
| 19 | Tổng phenol | mg/l | 0,1 |
| 20 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 5 |
| 21 | Sunfua | mg/l | 0,2 |
| 22 | Florua | mg/l | 5 |
| 23 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 10 |
| 24 | Tổng nitơ | mg/l | 40 |
| 25 | Tổng phốt pho (tính theo P) | mg/l | 6 |
| 26 | Clorua (Cl-) | mg/l | 500 |
| 27 | Clo dư | mg/l | 1 |

| | | | |
|----|---|-----------|-------|
| 28 | Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ | mg/l | 0,05 |
| 29 | Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ | mg/l | 0,3 |
| 30 | Tổng PCBs | mg/l | 0,003 |
| 31 | Coliform | MPN/100ml | 5.000 |
| 32 | Tổng hoạt độ phóng xạ α | Bq/l | 0,1 |
| 33 | Tổng hoạt độ phóng xạ β | Bq/l | 1,0 |

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của CCN (bao gồm cả nước thải sinh hoạt từ các khu điều hành dịch vụ, khu hạ tầng kỹ thuật và nước thải từ các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp đã xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của CCN) được thu về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 5.000 m³/ngày đêm ở khu đất hạ tầng kỹ thuật để xử lý đạt cột A của QCVN 40:2011/BTNMT (với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$) trước khi chảy ra Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý nằm ở phía Tây của CCN, cuối cùng chảy ra sông Cửu An.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung hoạt động theo công nghệ hóa lý kết hợp sinh học, được tóm tắt quy trình như sau: Nước thải từ các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp (sau khi xử lý sơ bộ đạt giới hạn cho phép theo yêu cầu của Trạm xử lý nước thải), nước thải khu hành chính, dịch vụ (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể phốt, bể tách mỡ) → Bể thu gom → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể quan trắc online → Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý phía Tây của CCN → sông Cửu An.

+ Vị trí xả thải: 01 điểm xả thải vào Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý thuộc thôn Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Toạ độ vị trí điểm xả nước thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiếu 3⁰): X(m) = 2297756; Y(m) = 573986.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải thi công trong giai đoạn triển khai xây dựng CCN đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom, Trạm xử lý nước thải tập trung trước khi đưa CCN vào vận hành, đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của CCN được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A (với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$) trước khi thải ra môi trường.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại vị trí mương quan trắc (*bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động*) trước khi vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương theo quy định của pháp luật. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: Lưu lượng (*đầu vào và đầu ra*), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

- Quy định cụ thể việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đối với các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp vào CCN thông qua hợp đồng trách nhiệm; giám sát, quản lý chặt chẽ các hoạt động xây dựng, vận hành của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp, đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối trước khi chảy vào cống thu gom nước thải chung của dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sử dụng phương tiện đạt tiêu chuẩn quy định an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh môi trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường để rửa các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường thi công.

- Trước khi ra khỏi công trường, các xe vận chuyển được rửa sạch bên ngoài, lốp xe, gầm xe, đảm bảo không gây bụi bẩn ra đường giao thông.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao từ 2-3m bao xung quanh công trường thi công; định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tần suất 03 tháng/lần; phun ẩm tuyến đường vận chuyển những ngày hanh khô với tần suất ít nhất 02 lần/ngày.

- Chủ dự án và nhà thầu xây dựng có những quy định cụ thể đối với công nhân lao động tại công trường, cũng như nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN phải xử lý bụi, khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quyết định phê duyệt kết quả

thẩm định báo cáo ĐTM, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án. Chủ đầu tư CCN quản lý, giám sát việc thực hiện của nhà đầu tư thứ cấp theo thủ tục môi trường được phê duyệt của đơn vị thứ cấp.

- Đảm bảo diện tích cây xanh và mặt nước trong CCN theo đúng quy định hiện hành.

- Xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình vận hành: Thường xuyên kiểm tra lượng khí sục vào bể điều hòa, bể hiếu khí để đảm bảo không có tình trạng phân hủy kỵ khí diễn ra; có khu vực chứa hóa chất riêng, có mái che đậy; thu gom và xử lý bùn đúng định kỳ, không để bùn tồn đọng lâu ngày.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung được đặt trong khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án, bể chứa bùn, bể thu gom và bể điều hòa được xây kín. Bố trí dải cây xanh cách ly xung quanh Trạm xử lý nước thải tập trung có bề rộng tối thiểu là 10 m theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Lắp đặt 01 hệ thống xử lý mùi tại Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 10.000 m³/giờ có quy trình công nghệ như sau: Khí thải chứa mùi từ các bể xử lý → Ống dẫn → Quạt hút → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Ống thải ra ngoài môi trường. Chất lượng mùi, khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($K_p = 1$; $K_v = 1,2$).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án.

- Các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN phải xử lý bụi, khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Khuyến khích các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN thay thế các nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường; sử dụng công nghệ sản xuất hiện đại giảm thiểu tối đa lượng khí thải.

- Bố trí nhân viên dọn vệ sinh trên các tuyến đường giao thông nội bộ nhằm hạn chế ô nhiễm mùi hôi của rác thải. Ký hợp đồng thu gom chất thải rắn với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày nhằm hạn chế mùi phát sinh.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống, hố ga thu gom nước thải.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật được thu gom và hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương vận chuyển đưa đến khu vực xử lý rác thải.
- Đất màu từ quá trình bóc hữu cơ bề mặt đất trồng lúa 02 vụ được thu gom, tập kết tạm thời tại bãi chứa trong công trường thi công, thực hiện che phủ kín, sau đó tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án.
- Chất thải phát sinh từ hoạt động đào đất, vét bùn: Đất đào được tận dụng để san lấp, bùn thải được phơi khô và tận dụng để trồng cây xanh.
- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 04 thùng rác loại 100 lít, có nắp đậy để thu gom tạm chứa trong ngày sau đó thuê đơn vị môi trường địa phương vận chuyển đến khu vực xử lý rác thải.
- Chất thải xây dựng: Đối với chất thải có khả năng tái chế như bao xi măng, đầu mẩu sắt, thép được thu gom bán lại cho các đơn vị có nhu cầu thu mua; chất thải không có khả năng tái chế (*đất, đá, gạch vỡ,...*) tận dụng để san nền, chất thải không thể tận dụng còn lại thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Thu gom chất thải rắn phát sinh trên các tuyến đường giao thông nội bộ, khu điều hành dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật CCN; hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom, xử lý.
- Xây dựng 01 kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 30 m² tại khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung để chứa chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khu điều hành dịch vụ, Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.
- Bố trí các thùng thu gom rác trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông với khoảng cách khoảng 100 m/thùng và các khu vực công cộng khác.
- Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN do các chủ dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường.
- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn thông thường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng. Bố trí các thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy kín, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có mái che, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định tại công trường thi công. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN do các chủ dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30 m² có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định tại khu vực trạm xử lý nước thải để chứa chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu điều hành dịch vụ, Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Khu lưu giữ chất thải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Quy định về tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn cho các máy móc có mức ồn cao; kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng để đưa ra khuyến cáo và thay thế thiết bị thi công; không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị tần suất 03 tháng/lần; không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

b) Giai đoạn vận hành

Các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp trong CCN phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

c) *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

4.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố Trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng Trạm xử lý nước thải tập trung cũng như hạ tầng kỹ thuật của CCN. Đưa ra yêu cầu thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp, yêu cầu các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp chịu trách nhiệm với các sự cố xảy ra trong phạm vi hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp đó. Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể, hồ sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố xử lý nước thải.

+ Xây dựng và vận hành 01 hồ sự cố với dung tích chứa khoảng 10.300 m³ để lưu giữ nước thải trong trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố. Hồ sự cố đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng và được xây dựng cùng thời gian xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung. Hồ sự cố luôn để trống, sẵn sàng chứa nước thải khi có sự cố xảy ra. Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố sau đó bơm ngược lại về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua hệ thống quan trắc tự động, liên tục hoặc chương trình giám sát nước thải đầu ra định kỳ hoặc đột xuất: Thực hiện dừng xả nước thải ra ngoài môi trường và tiến hành tạm dừng hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa. Sau khi kiểm tra, sửa chữa xong thực hiện bơm nước thải tại hồ sự cố vào lại bể gom để xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, giá trị C_{max} với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$) trước khi chảy ra Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý.

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp, thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy đảm bảo chất lượng và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 điểm tại khu vực công ra vào, 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng, 01 điểm tại khu dân cư thôn Hòa Bình và 01 điểm tại khu dân cư thôn Cao Lý, xã Cao Thắng).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong cả giai đoạn thi công.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

a) Giám sát nước thải tự động, liên tục

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại muống quan trắc của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục, tự động.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, giá trị C_{max} với các hệ số $K_q = 0,9$ và

$K_f = 1,0$.

- Đấu nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động: Thực hiện theo quy định.

b) Giám sát nước thải định kỳ

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Các thông số giám sát thực hiện theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (trừ các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, giá trị C_{max} với các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$.

5.2.2. Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi dự án và tuân thủ các quy định tại Luật Thủy lợi, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương thực hiện công tác đánh giá và thỏa thuận phương án chiếm dụng công trình thủy lợi trong phạm vi của Dự án; xây dựng kế hoạch phương án dẫn dòng do việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tại các khu vực triển khai thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định

của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành CCN.

- Chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đúng vào các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Thực hiện phân khu chức năng trong CCN Cao Thắng một cách phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong CCN có khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật để giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác và các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tăng cường khả năng cộng sinh công nghiệp; không bố trí quy hoạch các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu hoặc tiếng ồn cao tại vị trí gần khu dân cư và đường giao thông và đảm bảo các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có hoạt động phát sinh bụi, mùi khó chịu được quy hoạch tại vị trí cuối hướng gió.

- Đảm bảo sự phù hợp của CCN với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của CCN.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại mục 1.3.2 Quyết định này, bảo đảm phù hợp với các văn bản về chủ trương đầu tư thành lập CCN của cấp có thẩm quyền và sau khi đã hoàn thành việc xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải đối với các dự án đầu tư thứ cấp vào Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu ngập úng; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh CCN.

- Việc xả nước thải sau xử lý của CCN vào công trình thủy lợi phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung và năng lực tiêu thoát nước của công trình

thủy lợi.

- Xây dựng, vận hành hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào CCN; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của CCN phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của CCN tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Miện trong quá trình xây dựng và vận hành CCN Cao Thắng để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của CCN được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi CCN đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường để vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.